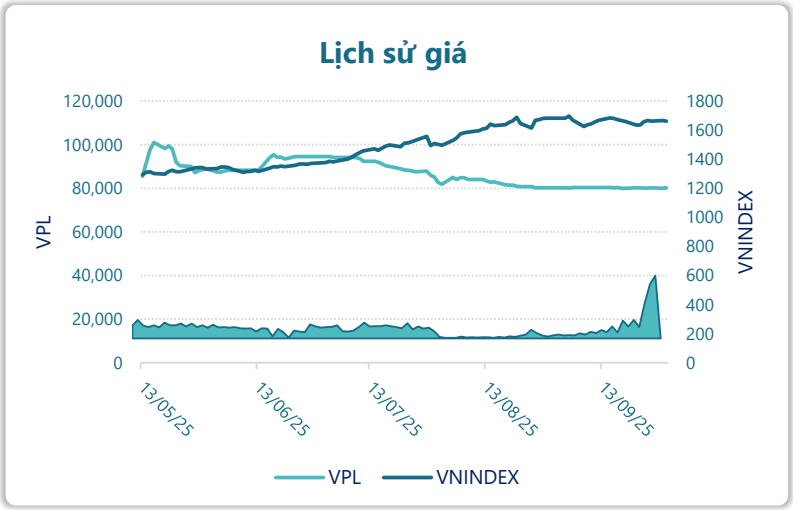
FireAnt

CTCP Vinpearl (HSX: VPL)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**80,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	101,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	80,000
SL cổ phiếu LH	1,793,300,377
KLGD BQ 20 phiên (CP)	429,135
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	143,823
P/E	
EPS	

DT thuần

Q3/25

3,101

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 159| 5.4%

LN sau thuế

Q3/25

169

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 0.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

14.6%

#VALUE!

DT thuần

9T 2025

9,014

tỷ VNĐ

LN sau thuế

9T 2025

428

tỷ VNĐ

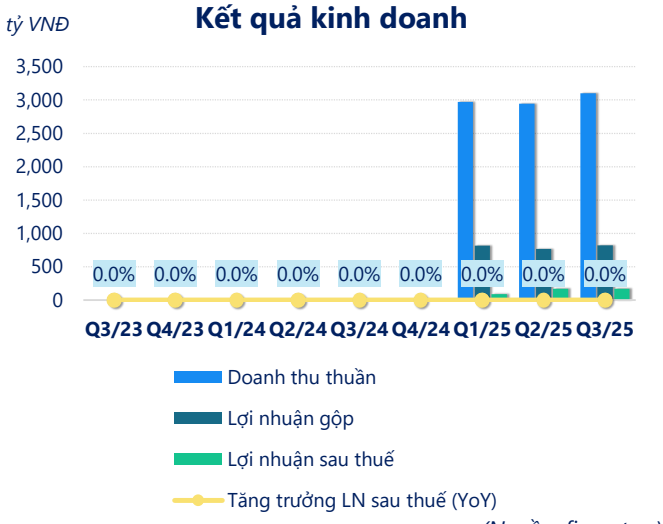
ROE

Q3/25

#VALUE!

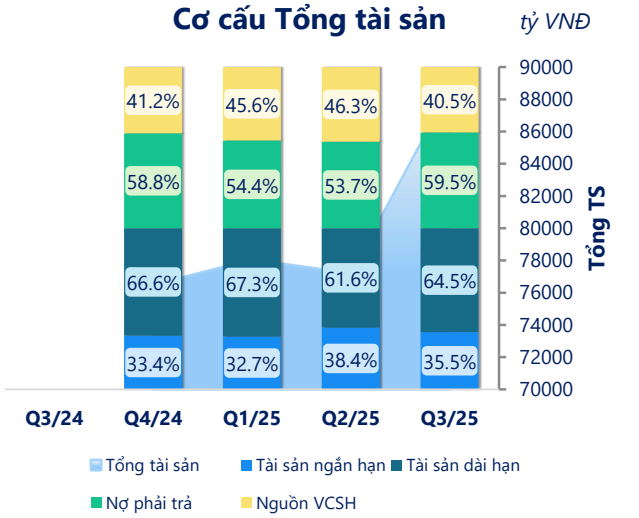
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



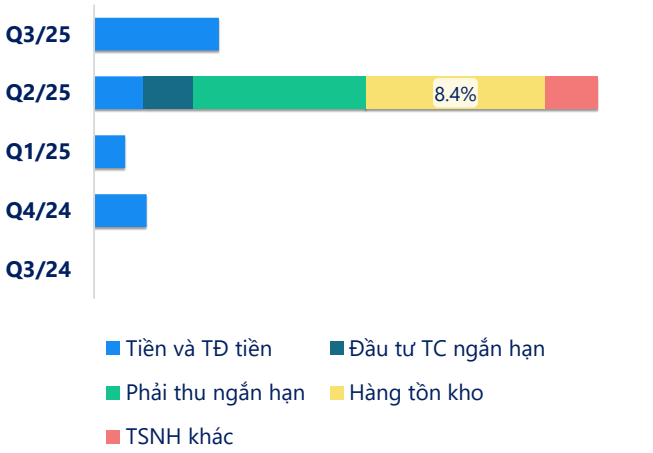
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



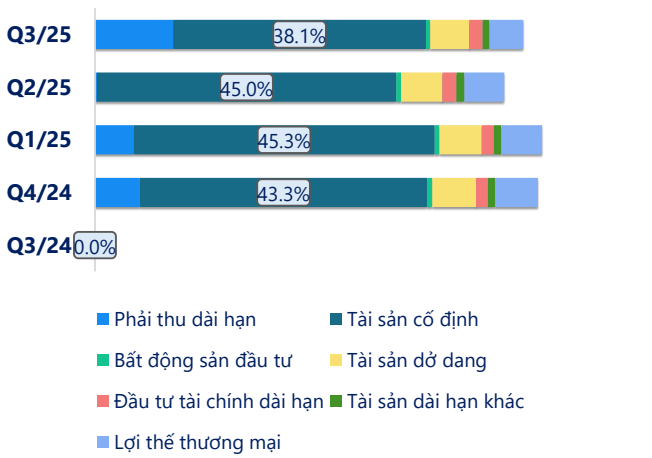
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



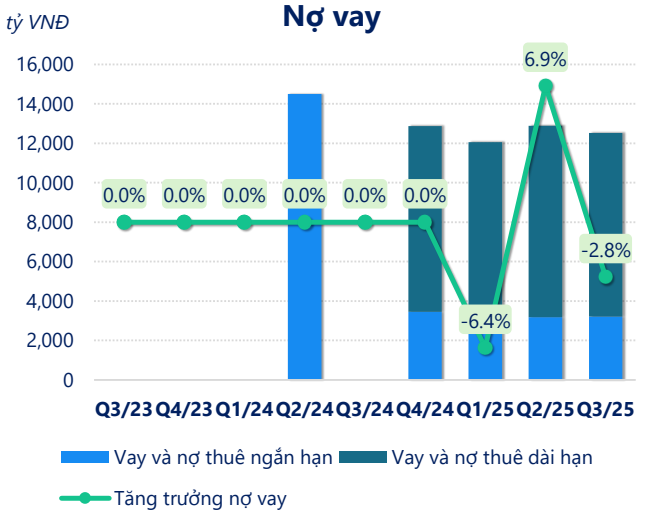
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



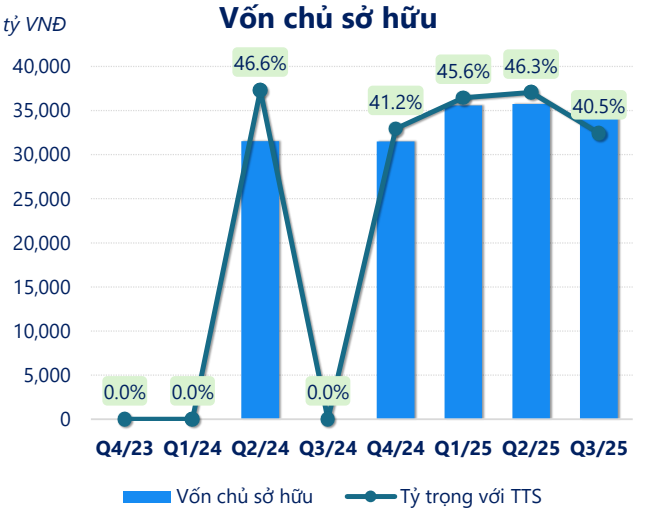
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



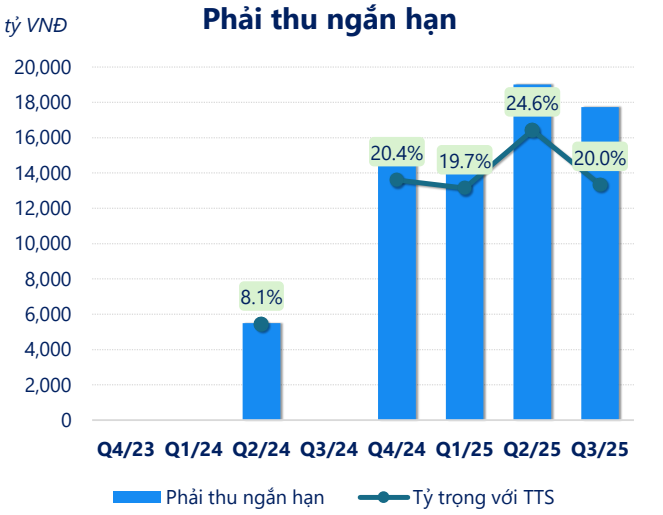
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



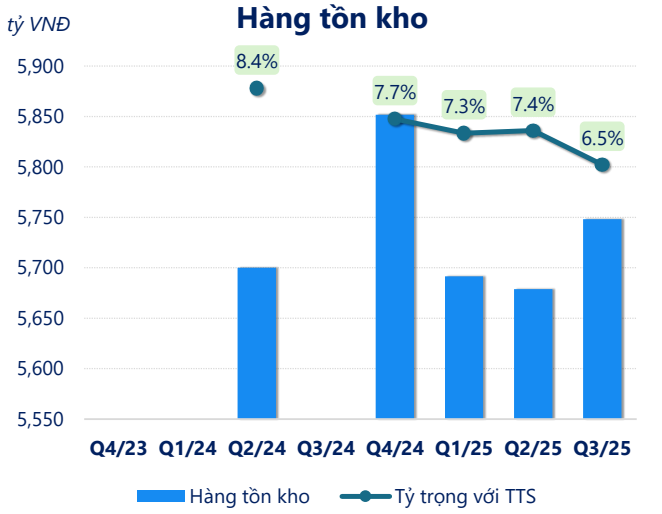
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



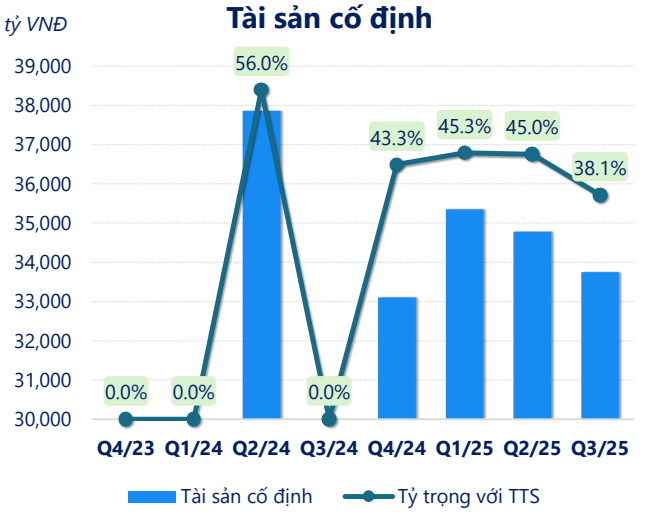
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



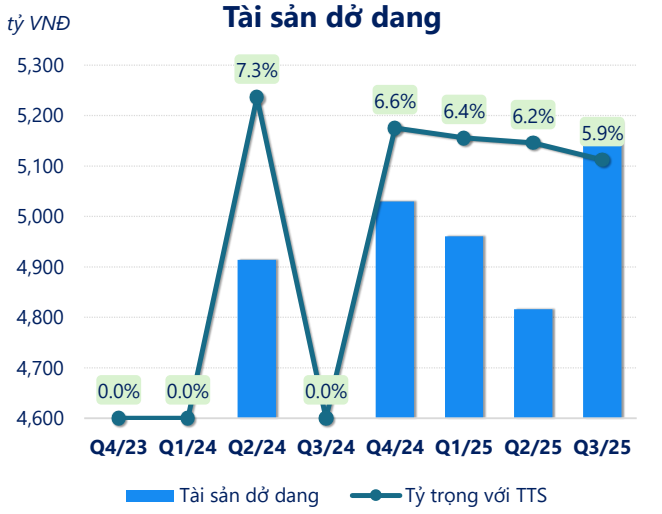
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



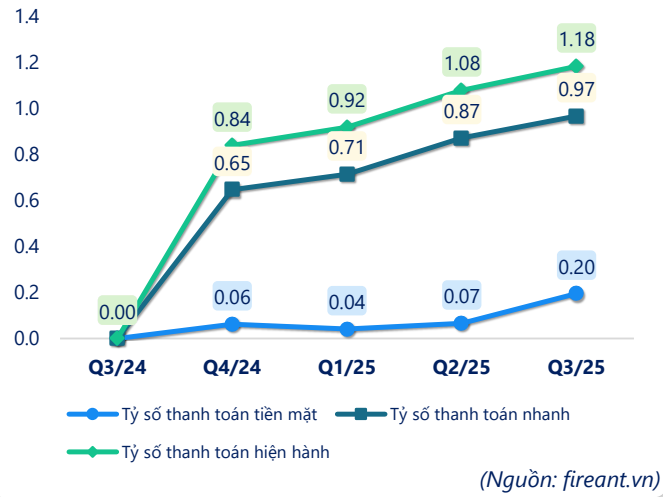
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



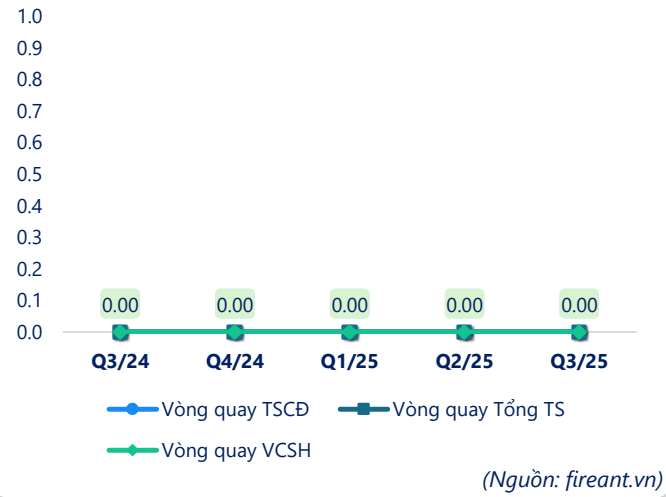
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản		**76,483**	**78,069**	**77,215**	**88,620**
Tài sản ngắn hạn		**25,507**	**25,538**	**29,647**	**31,491**
Tiền và tương đương tiền		1,889	1,142	1,807	5,199
Đầu tư tài chính ngắn hạn		1,561	2,499	2,342	1,745
Phải thu ngắn hạn		15,601	15,389	19,017	17,725
Hàng tồn kho		5,852	5,692	5,679	5,748
Tài sản ngắn hạn khác		604	817	803	1,073
Tài sản dài hạn		**50,976**	**52,531**	**47,568**	**57,129**
Phải thu dài hạn		5,148	4,533	223	10,406
Tài sản cố định		33,101	35,352	34,780	33,752
Bất động sản đầu tư		580	571	560	550
Tài sản dở dang		5,029	4,960	4,816	5,185
Đầu tư tài chính dài hạn		1,366	1,435	1,624	1,787
Tài sản dài hạn khác		829	890	912	928
Lợi thế thương mại		4,923	4,788	4,654	4,520
Nợ phải trả		**44,999**	**42,483**	**41,460**	**52,695**
Nợ ngắn hạn		**30,403**	**27,812**	**27,481**	**26,618**
Vay và nợ thuê ngắn hạn		3,459	2,577	3,176	3,220
Phải trả người bán ngắn hạn		3,202	2,571	2,267	1,719
Nợ dài hạn		14,596	14,671	13,979	26,078
Vay và nợ thuê dài hạn		9,414	9,478	9,713	9,312
Nguồn vốn chủ sở hữu		**31,484**	**35,587**	**35,755**	**35,924**
Vốn chủ sở hữu		**31,484**	**35,587**	**35,755**	**35,924**
Vốn điều lệ		17,232	17,933	17,933	17,933
Kinh phí và quỹ khác		0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)